

Bản án số: 02/2026/HNGĐ- ST

Ngày: 06/01/2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thúy Hà.

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hệ và ông Phạm Minh Đức.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại phòng xét xử Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 194/2025/TLST- HNGĐ ngày 17/10/2025 về việc tranh chấp “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1988; Nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện tại: số B đường T, khu L, thành phố T, Đài Loan. “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Người đại diện nhận văn bản tố tụng cho chị H: Bà Nông Thị N, địa chỉ: số E, đường N, phường T, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1988; trú tại: thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên. “vắng mặt”.

3. Người làm chứng: Bà Dương Thị H1, sinh năm 1968; trú tại: thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Chị Hà Thị H và anh Nguyễn Đình T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An ngày 30/12/2013. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2020, anh chị cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến tháng 5/2023 anh T về nước, do mâu thuẫn trầm trọng, chị ở lại Đài Loan làm việc không về cùng anh T. Từ đó đến nay vợ chồng

sống ly thân, không còn quan tâm, có trách nhiệm với nhau. Hiện nay, chị xác định mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Đình T. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 22/01/2012. Ly hôn, do đang lao động ở nước ngoài nên chị H đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh T nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T sẽ tự thỏa thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công sức chung, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Đình T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cập công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến làm việc và không có văn bản thể hiện quan điểm.

Tiến hành xác minh tại gia đình anh T được bà **Dương Thị H1**, là mẹ đẻ anh T cung cấp: anh T hiện đang sinh sống cùng gia đình bà, anh T đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án gửi. Về việc chị H làm đơn xin ly hôn, qua nói chuyện với anh T bà H1 được nghe anh T thể hiện quan điểm: nhất trí ly hôn với chị H vì vợ chồng sống ly thân đã lâu; anh T và chị H chỉ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 22/01/2012. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc D, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung; đối với các vấn đề về tài sản, công nợ, anh T không yêu giải quyết. Đối với việc Tòa án triệu tập anh T đến tham gia giải quyết, xét xử vụ án anh T sẽ không tham gia theo triệu tập của Tòa án.

Trước đây anh T và chị H cùng lao động tại Việt Nam nhưng từ 03 năm nay anh T về nước còn chị H vẫn ở lại Đài Loan. Thỉnh thoảng bà biết anh T và chị H vẫn nói chuyện qua điện thoại, anh T khuyên chị H về Việt Nam cùng chung sống và nuôi con nhưng chị H không về nên anh chị có lúc cãi nhau to tiếng trên điện thoại. Nay chị H và anh T làm thủ tục ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Chị H và anh T không có đóng góp gì về tài sản, công sức hay vay nợ với gia đình bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu **Nguyễn Thị Ngọc D** thể hiện quan điểm: muốn ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Xác minh tại UBND xã T cung cấp thông tin: xác nhận về việc anh T, chị H có đăng ký kết hôn nhưng không nắm bắt được mâu thuẫn của anh T và chị H.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn khởi kiện. Anh T vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên: Về tố tụng, Thẩm phán lập hồ sơ vụ án đúng trình tự thủ tục. Việc lấy lời khai của đương sự và thu thập chứng cứ đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo Điều 48, 195, 196, 203, 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ do Bộ luật tố tụng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như yêu cầu khởi kiện. Anh T vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên đề nghị HĐXX căn cứ quy định pháp luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Về quan điểm đề xuất: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc D cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh T không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Hà Thị H và anh Nguyễn Đình T kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Do chung sống không hạnh phúc nên chị H đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh T cư trú trên địa bàn xã T, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần phải giải quyết là “Tranh chấp ly hôn”.

Tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; điểm a khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn được ghi nhận thông qua bà Dương Thị H1 và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân qua người thân và chính quyền địa phương, HĐXX thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T đều xác nhận trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột, cãi vã. Khoảng 03 năm trở lại đây, anh T và chị H sống ly thân, không còn quan tâm, có trách nhiệm với nhau. Quá trình giải

quyết vụ án, chị H giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ về các buổi làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và vắng mặt không lý do 02 lần Tòa án triệu tập đến phiên tòa. Từ những phân tích nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cần xử cho chị H được ly hôn với anh T.

2.2. Về con chung: chị H và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 22/01/2012, không có con riêng, con nuôi theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại chị H đang lao động tại nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Qua lời trình bày của bà Dương Thị H1 là mẹ đẻ anh T, thể hiện quan điểm của anh T về việc có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc D cho anh T nuôi dưỡng và không xem xét việc cấp dưỡng do các đương sự không yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 73, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H, cho chị Hà Thị Hoài ly H2 với anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: chị Hà Thị H và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 22/01/2012. Giao cháu D cho anh Trung trực T1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh T và gia đình không ai được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, chị H, anh T hoặc các cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức chung: các đương sự không đề nghị nên không xem xét.

4. Về án phí: chị Hà Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002265 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND KV1-Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Môn Sơn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An (ĐKKH số 063/2013 ngày 30/12/2013) sau sát nhập là xã Môn Sơn, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thúy Hà